

THẺ LỆ CUỘC THI
“Tìm hiểu Bộ luật Dân sự năm 2015”

Thực hiện Kế hoạch tổ chức Cuộc thi “Tìm hiểu Bộ luật Dân sự năm 2015” (được ban hành kèm theo Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh), Ban Tổ chức Cuộc thi cấp tỉnh quy định Thẻ lệ Cuộc thi trên địa bàn tỉnh như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG DỰ THI

Đối tượng tham gia Cuộc thi là mọi công dân Việt Nam từ đủ 16 tuổi trở lên đang sinh sống, học tập và làm việc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (trừ thành viên Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký của Cuộc thi ở cấp tỉnh, cấp huyện; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở Tư pháp; cán bộ, công chức, người lao động thuộc các Phòng Tư pháp).

II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, QUY ĐỊNH VỀ BÀI DỰ THI

1. Nội dung Cuộc thi

Trả lời 12 câu hỏi tìm hiểu về Bộ luật Dân sự năm 2015 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015 (Ban hành kèm theo Thẻ lệ này).

2. Hình thức Cuộc thi

- Cuộc thi được tổ chức bằng hình thức thi viết (viết tay hoặc đánh máy).
- Mỗi cá nhân tham gia thi chỉ được gửi 01 (một) bài dự thi.

3. Quy định về bài dự thi

a) Bài dự thi hợp lệ: Là bài dự thi bảo đảm đầy đủ các yêu cầu sau:

- Trả lời đủ các câu hỏi, không được sao chép nội dung giữa các bài dự thi, không được sao chép thành nhiều bản;
- Bài dự thi phải viết tay hoặc đánh máy bằng tiếng Việt, ghi rõ: họ tên, giới tính, độ tuổi, dân tộc, địa chỉ (nơi ở, nơi học tập hoặc nơi công tác) của người dự thi. Đối với thí sinh là học sinh các trường trung học phổ thông; học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề; sinh viên các trường cao

đăng, đại học thì ngoài các yêu cầu trên, còn phải ghi rõ trường, lớp mà mình đang theo học.

- Bài dự thi có từ 02 tờ trở lên phải đánh số trang theo thứ tự, đóng lại thành tập và phải được gửi về Ban Tổ chức Cuộc thi trong thời hạn nhận bài dự thi.

b) Bài thi không hợp lệ:

- Là bài thi không thực hiện đúng các yêu cầu trên đây.
- Nghiêm cấm các trường hợp lợi dụng bài dự thi để vu khống, bịa đặt, xuyên tạc, chống phá Đảng và Nhà nước Việt Nam; vi phạm đạo đức, thuần phong, mỹ tục và các vi phạm pháp luật khác. Trường hợp vi phạm các quy định trên sẽ bị hủy bài thi hoặc hủy giải thưởng.

***Lưu ý:**

- Ban Tổ chức Cuộc thi sẽ cộng thêm điểm khuyến khích đối với bài dự thi có phân tích, mở rộng nội dung trả lời; có tranh ảnh, tư liệu minh họa sinh động...
- Ban Tổ chức không trả lại các bài dự thi cho thí sinh, được quyền sử dụng các bài dự thi phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật.

III. PHẠM VI, ĐỊA ĐIỂM, THỜI HẠN NHẬN BÀI DỰ THI

1. Phạm vi tổ chức cuộc thi

Cuộc thi được tiến hành trong phạm vi toàn tỉnh và được tổ chức ở hai cấp: cấp huyện và cấp tỉnh.

2. Địa điểm nhận bài dự thi

- Ở cấp huyện:

Đối tượng dự thi ở cấp huyện là học sinh trung học phổ thông; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị cấp huyện, cấp xã và người từ đủ 16 tuổi trở lên đang sinh sống, làm việc trên địa bàn thuộc đơn vị cấp huyện (*trừ đối tượng tham gia dự thi ở cấp tỉnh*) nộp bài dự thi về trường học, cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Các trường học, cơ quan, đơn vị, địa phương này tiếp nhận bài thi và nộp về Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố. Ngoài ra, thí sinh có thể nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện để gửi bài thi về Phòng Tư pháp.

Sau khi hoàn thành việc chấm thi ở cấp huyện, các huyện, thị xã, thành phố lựa chọn các bài thi có chất lượng cao của đơn vị mình gửi về Ban Tổ chức Cuộc thi cấp tỉnh để tham gia Cuộc thi cấp tỉnh (*tối thiểu là 20 bài, tối đa 30 bài để dự thi cấp tỉnh*).

- Ở cấp tỉnh:

Đối tượng dự thi ở cấp tỉnh là học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề, sinh viên các trường cao đẳng, đại học; các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị thuộc Trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh nộp bài về trường học, cơ quan, đơn vị mình. Các trường học, cơ quan, đơn vị này tiếp nhận bài thi và nộp về Sở Tư pháp.

Ngoài ra, thí sinh có thể nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện để gửi bài thi về Sở Tư pháp.

3. Thời hạn nhận bài dự thi

- Việc nhận bài thi ở cấp huyện: Do Ban Tổ chức Cuộc thi cấp huyện quy định. Tuy nhiên, phải khóa sổ nhận bài thi chậm nhất là ngày **15/10/2017**.

- Việc nhận bài thi ở cấp tỉnh: Thí sinh dự thi ở cấp tỉnh nộp bài thi về Sở Tư pháp trước ngày **15/10/2017** (Đối với những bài dự thi gửi theo đường bưu điện thì thời hạn được tính theo dấu bưu điện).

IV. CHẤM ĐIỂM VÀ GIẢI THƯỞNG

1. Chấm điểm

- Cuộc thi cấp huyện: Do Ban Giám khảo Cuộc thi cấp huyện chấm điểm. Việc chấm thi, báo cáo kết quả tổ chức Cuộc thi và gửi các bài dự thi cấp tỉnh về Sở Tư pháp hoàn thành trước ngày **15/11/2017**.

- Cuộc thi cấp tỉnh: Do Ban Giám khảo Cuộc thi của tỉnh chấm điểm. Việc chấm thi hoàn thành trước ngày **15/12/2017**, việc tổng kết, trao giải Cuộc thi hoàn thành trước ngày **31/12/2017**.

2. Giải thưởng

1. Ở cấp huyện

Căn cứ điều kiện của địa phương để quy định cơ cấu giải thưởng phù hợp.

2. Ở cấp tỉnh

a) Giải tập thể: Dành cho các huyện, thị xã, thành phố, cơ quan, đơn vị, trường học... có thành tích xuất sắc trong việc tổ chức, hưởng ứng, tham gia Cuộc thi, gồm:

- | | |
|-----------------------------------|-----------------|
| - 01 giải nhất: | 5.000.000 đồng; |
| - 02 giải nhì, mỗi giải: | 4.000.000 đồng; |
| - 03 giải ba, mỗi giải: | 3.000.000 đồng; |
| - 15 giải khuyến khích, mỗi giải: | 1.000.000 đồng. |

b. Giải cá nhân: Dành cho các cá nhân có bài dự thi đạt chất lượng tốt nhất, gồm:

- | | |
|-----------------------------------|-----------------|
| - 01 giải nhất: | 4.000.000 đồng; |
| - 02 giải nhì, mỗi giải: | 3.000.000 đồng; |
| - 03 giải ba, mỗi giải: | 2.000.000 đồng; |
| - 30 giải khuyến khích, mỗi giải: | 500.000 đồng. |

Đồng thời, các tập thể, cá nhân đạt giải Cuộc thi còn được nhận Giấy Chứng nhận của Ban Tổ chức Cuộc thi cấp tỉnh./.

Nơi nhận: *Ước*

- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- Thành viên BTC (Sở TP sao gửi);
- UBND, Phòng Tư pháp huyện, thị xã, thành phố;
- UBND xã, phường, thị trấn (Phòng Tư pháp sao gửi);
- VPUBND tỉnh: LđVP; các P ch.môn;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử của các đơn vị, địa phương (để đăng tải);
- Lưu: VT, NCm.

**TM. BAN TỔ CHỨC
TRƯỞNG BAN**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Võ Văn Cảnh**

CÂU HỎI CUỘC THI
“TÌM HIỂU BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015”

Câu 1

Bộ luật Dân sự năm 2015 được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015 có hiệu lực từ ngày tháng năm nào? được chia thành mấy phần, mấy chương, bao nhiêu điều và có phạm vi điều chỉnh như thế nào?

Hãy nêu các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự được quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015? So với Bộ luật Dân sự năm 2005, các nguyên tắc này được sửa đổi, bổ sung như thế nào?

Câu 2

Việc xác lập, thực hiện và bảo vệ quyền dân sự được Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định như thế nào? Tại Khoản 2 Điều 14 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “Tòa án không được từ chối giải quyết vụ, việc dân sự vì lý do chưa có điều luật để áp dụng”, vậy trong trường hợp này, tòa án sẽ áp dụng các căn cứ nào để giải quyết?

Câu 3

Hãy trình bày các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự của cá nhân? So với Bộ luật Dân sự năm 2005, các quy định này có những sửa đổi, bổ sung nào?

Câu 4

Quyền nhân thân là gì? Hãy nêu nội dung các quyền nhân thân của cá nhân theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015? Trong các quyền nhân thân đó, hãy kể tên các quyền nhân thân mới được bổ sung so với Bộ luật Dân sự năm 2005?

Câu 5

Giao dịch dân sự là gì? Trong trường hợp nào giao dịch dân sự bị coi là vô hiệu? Hãy nêu hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015?

Câu 6

Căn cứ xác lập quyền sở hữu được quy định như thế nào trong Bộ luật Dân sự năm 2015? Hãy nêu các quy định về xác lập quyền sở hữu đối với các trường hợp cụ thể?

Câu 7

Nghĩa vụ dân sự là gì? Nghĩa vụ dân sự phát sinh từ những căn cứ nào? Có bao nhiêu biện pháp bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ dân sự?

So với các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì Bộ luật Dân sự năm 2015 bổ sung các biện pháp bảo đảm mới nào? Hãy nêu các quy định mới về các biện pháp bảo đảm đó?

Câu 8

Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định bao nhiêu loại hợp đồng dân sự thông dụng? Hãy nêu tên, khái niệm các loại hợp đồng này? Hợp đồng thông dụng nào là loại hợp đồng mới so với Bộ luật Dân sự năm 2005? Việc thực hiện hợp đồng dân sự khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản được Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định như thế nào?

Câu 9

Thừa kế theo di chúc được Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định như thế nào? So với Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 đã bãi bỏ, bổ sung, làm rõ quy định nào?

Câu 10

Chị H và chị K là bạn thân của nhau làm cùng cơ quan nên khi chị K làm nhà, chị H đã cho chị K vay 100 triệu đồng để xây nhà và thỏa thuận khi nào có điều kiện chị K sẽ trả nợ và không tính lãi. Đến nay, chị K đã làm nhà xong được 1 năm. Con chị H chuẩn bị lấy vợ, chị H cần dùng số tiền nói trên để trang trải chi phí đám cưới vào cuối năm 2018 nên chị H đã gặp chị K đề nghị thu xếp trả số tiền chị H đã cho vay trước khi tổ chức đám cưới. Vậy, việc làm của chị H có phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 không? Vì sao?

Câu 11

Ngày 15/3/2017, chị A đến nhà người quen là chị B chơi. Khi ra về, chị A sơ ý để quên túi xách tại nhà chị B trong đó có 1.800.000 đồng. Ngay sau đó, C là cháu của chị B, dẫn bạn là D, E đến nhà chị B chơi thì phát hiện túi xách của chị A để quên có tiền, C, D, E đã cùng nhau thỏa thuận lấy hết số tiền đó để đi chơi và đã tiêu hết số tiền này.

Sau khi biết tin, chị A đã yêu cầu C, D, E phải trả lại tiền cho mình. Theo thỏa thuận, C, D, E sẽ phải trả 1.800.000 đồng cho chị A vào ngày 25/4/2017 tại nhà chị B (mỗi người phải trả 600.000 đồng). Tuy nhiên, đến ngày 25/4/2017, mới chỉ có D trả 600.000 đồng cho chị A, còn C và E vẫn chưa trả tiền. Do tình C là cháu của chị B, chị A không yêu cầu C phải trả tiền cho mình và yêu cầu D phải thay E trả cho mình 600.000 đồng là phần nghĩa vụ của E.

Bằng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, anh (chị) hãy:

1. Xác định quan hệ dân sự giữa chị A với C, D và E? Căn cứ nào phát sinh quan hệ dân sự đó và trách nhiệm thực hiện quan hệ dân sự trong trường hợp này?

2. Việc chị A không yêu cầu C phải trả tiền cho mình và yêu cầu D phải thay E thực hiện phần nghĩa vụ của E có phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 không? Vì sao? Giữa D và E có phát sinh quan hệ dân sự nào không? Tại sao?

Câu 12

Theo bạn, mỗi người dân có trách nhiệm làm gì để thi hành hiệu quả Bộ luật Dân sự năm 2015?

(Riêng câu 12 viết không quá 1.000 từ tương đương 3 trang A4, viết tay hoặc đánh máy, cỡ chữ 14 Times New Roman)./.

